Xuất khẩu khoáng sản nước ta: Thực trạng và giải pháp

Phan Anh*

Ngày nhận: 01/4/2015
Ngày nhận bản sửa: 18/5/2015
Ngày duyệt đăng: 20/5/2015

Tóm tắt:

Thực hiện mục tiêu phát triển xuất khẩu theo hướng bền vững, thời gian qua, nước ta đã ban hành nhiều chính sách nhằm hạn chế xuất khẩu khoáng sản, nhờ vậy tỷ trọng xuất khẩu của mặt hàng này trong tổng kim ngạch xuất khẩu đã giảm đáng kể. Song, trong thực tế tình hình xuất khẩu khoáng sản vẫn còn diễn biến khá phức tạp. Trên cơ sở phân tích đánh giá thực trạng chính sách và tình hình xuất khẩu khoáng sản lậu qua biên giới, bài viết đã chỉ rõ nguyên nhân và tập trung đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế xuất khẩu khoáng sản, góp phần thực hiện quan điểm, định hướng phát triển xuất khẩu bền vững ở nước ta trong thời gian tới.

Từ khóa: Xuất khẩu khoáng sản bền vững, chính sách phát triển xuất khẩu bền vững

Exports of Minerals in Vietnam: Situation and Solutions

Abstract:

In order to implement strategies of rapid and sustainable economic development, many policies have been promulgated to limit the exploitation and export of mineral resources. Thanks to that, the export share of raw material and mineral commodities in the total export has significantly declined. However, there still exist several issues regarding export of minerals. Based on analyzing and evaluating the achievements and limitations of export and exploitation of mineral resources, the paper points out the main reason of limitations, and proposes some measures to improve the efficiency of exploitation and exports of mineral resources in the coming time.

Keywords: Sustainable mineral exports; Policy for sustainable export development.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh tự do hóa thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế, xuất khẩu đóng vai trò quan trọng đối với sự tăng trưởng kinh tế của mỗi nước. Tuy nhiên, trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt, xuất khẩu cái gì, cho ai và tiến hành xuất khẩu như thế nào, để tăng trưởng xuất khẩu theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và phát triển bền vững là một vấn đề nan giải, đặc biệt là đối với các quốc gia đang phát triển như nước ta.

Trên thế giới, việc đẩy mạnh xuất khẩu, thường diễn ra theo hai xu hướng chính là:

(1) Đối với các nước phát triển, do có trình độ công nghệ nguồn nhân lực cao nên họ thường xuất khẩu các mặt hàng có hàm lượng công nghệ cũng như chất xám, giá trị gia tăng cao, ngược lại;

(2) Đối với những nước đang phát triển, do hạn chế các nguồn lực nói trên, nên thường xuất khẩu những cái gì có sẵn như nguyên liệu thô, các sản phẩm sử dụng nhiều lao động và đặc biệt là tài nguyên khoáng sản. Trong tổng kim ngạch, xuất khẩu tài nguyên khoáng sản thường chiếm tỷ trọng cao.

Việc gia tăng kim ngạch xuất khẩu dựa vào xuất khẩu khoáng sản thô, hàm lượng chế biến thấp là kém hiệu quả, dẫn đến sự cạn kiệt về nguồn tài nguyên không góp phần cho phát triển kinh tế trong dài hạn hay phát triển không bền vững. Hậu quả của

việc xuất khẩu khoáng sản như "*Căn bệnh Hà Lan*" hay "*Lời nguyền của tài nguyên*", đã được các nhà kinh tế cũng như các nhà khoa học đề cập tới, là bài học đắt giá cho những ai hy vọng vào việc gia tăng xuất khẩu tài nguyên để phát triển kinh tế.

2. Thực trạng phát triển xuất khẩu khoáng sản nước ta thời gian qua

2.1. Về chính sách

Việc phát triển xuất khẩu theo hướng nào, phụ thuộc rất lớn vào chính sách phát triển xuất khẩu của chính phủ. Xuất phát từ vai trò của phát triển bền vững, trong thời gian qua, bên cạnh coi trọng vai trò của xuất khẩu đối với phát triển kinh tế nước ta luôn đề cao tính bền vững của xuất khẩu.

Trong "Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011-2020", Đảng Cộng sản Việt Nam (2011) đã xác định "Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược. Phát triển bền vững là cơ sở để phát triển nhanh, phát triển nhanh để tạo nguồn lực cho phát triển bền vững. Phát triển nhanh và bền vững phải luôn gắn chặt với nhau trong quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế - xã hội."

Thủ tướng chính phủ (2011a) đã xác định khoáng sản là tài sản quan trọng của quốc gia phải được tăng cường quản lý, phải có chính sách nhằm điều chỉnh các hoạt động xuất khẩu khoáng sản theo hướng chỉ xuất khẩu sản phẩm sau chế biến có giá trị cao đối với khoáng sản có quy mô lớn. Quan điểm đó tiếp tục được Thủ tướng chính phủ (2011b) khẳng định là "Phát triển xuất khẩu theo mô hình tăng trưởng bền vững và hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, chuyển dịch cơ cấu hàng hóa xuất khẩu một cách hợp lý theo hướng gia tăng sản phẩm chế biến sâu, sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, sản phẩm thân thiện với môi trường, giảm dần xuất khẩu khoáng sản thô.

Cùng với việc ban hành các chính sách chiến lược liên quan đến xuất khẩu khoáng sản, việc nâng cao hiệu lực thực thi chính sách pháp luật về xuất khẩu khoáng sản cũng được nước ta chú trọng. Thủ tướng chính phủ (2012) đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-TTg, về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản; và Chỉ thị số 03/CT-TTg, về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản; tăng cường thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật về khoáng sản, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về khoáng sản và bảo vệ môi trường.

2.2. Về kết quả xuất khẩu khoáng sản nước ta thời gian qua

Nhờ các chính sách trên đây, hoạt động xuất khẩu khoáng sản đã từng bước đi vào nề nếp, xuất khẩu khoáng sản đã giảm tỷ trọng trong kim ngạch xuất khẩu nước ta.

Năm 2010, kim ngạch xuất khẩu nhóm nhiên liệu và khoáng sản đạt 8,070 tỷ USD, năm 2012 là 11,479 tỷ USD. Tuy nhiên, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng này đã giảm dần. Năm 2010, tỷ trọng xuất khẩu của nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản trong tổng kim ngạch xuất khẩu nước ta là 11.2%, thì đến năm 2012 là 10,0%, đến năm 2014 chỉ còn 6,2%. Theo dự tính của Bộ Công thương (2015), đến năm 2015, tỷ trọng của nhóm này chỉ ở mức là 5.4%, tức là chưa bằng một nửa so với năm 2010. Số liệu cụ thể được thể hiện qua bảng 1.

Trong kim ngạch xuất khẩu của nhóm nhiên liệu và khoáng sản, thì dầu thô và than đá vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu. Năm 2010, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của dầu thô và thanh đá so với nhóm nhiên liệu và khoáng sản là 81,4% và năm 2015 khoảng 83,4. Trong giai đoạn từ năm 2010- 2015, tỷ trọng này luôn ở mức trên 80%, chỉ trừ năm 2011 là 79,1%.

Trong giai đoạn 2010-2015, kim ngạch xuất khẩu dầu thô tăng từ 4,958 tỷ USD lên 6,461 tỷ USD. Tuy nhiên tỷ trọng so với tổng kim ngạch xuất khẩu đã giảm từ 6,86% năm 2010 xuống còn 4,03 vào năm 2015, tức là đã giảm được 2,83 điểm % so với năm 2010. Tuy nhiên, việc giảm kim ngạch của mặt hàng này trong mấy năm gần đây chủ yếu là do giảm giá.

Đối với than đá, nhìn chung, xu hướng giảm kim ngạch và tỷ trọng khá rõ rệt. Năm 2010, kim ngạch xuất khẩu than đá vẫn còn ở mức khá cao là 1,611 USD nhưng đến năm 2014 kim ngạch xuất khẩu than đá chỉ còn 829 triệu USD và theo dự tính đến năm 2015 là 771 triệu USD, tức là giảm hơn một nửa so với năm 2010. Điều đó chứng tỏ rằng khai thác và xuất khẩu than đá thời gian qua đã diễn ra theo chiều hướng tích cực.

Ngoài dầu thô và than đá, nước ta còn xuất khẩu một số khoáng sản khác như quặng nhôm (bauxit), đất hiếm, quặng titan (Ilmenit), wolfram, crôm… song nhìn chung tỷ trọng còn nhỏ.

Về thị trường xuất khẩu, trước đây thị trường xuất khẩu nói chung và khoáng sản nói riêng của Việt Nam là các nước xã hội chủ nghĩa chủ yếu là

Bảng 1. Thực trạng xuất khẩu khoáng sản nước ta thời gian qua

Mặt hàng	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm* 2015
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	72,237	96,906	114,529	132,175	145,400	160,350
Kim ngạch xuất khẩu khoáng sản (tỷ USD)	8,070	11,220	11,479	9,604	9,067	8,671
Than đá (tỷ USD)	1,611	1,632	1,239	921	829	771
Dầu thô (tỷ USD)	4,958	7,241	8,229	7,236	6,802	6,461
Tỷ trọng so với tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước (%)						
Nhóm nhiên liệu và khoáng sản	11,2	11,6	10,0	7,3	6,2	5,4
Than đá	2,23	1,68	1,08	0,70	0,57	0,48
Dầu thô	6,86	7,47	7,19	5,47	4,68	4,03
Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu dầu thô và than đá so với nhiên liệu và khoáng sản (%)						
Tổng kim ngạch xuất khẩu dầu thô và than đá	81,4	79,1	82,5	84,9	84,2	83,4
Than đá	20,0	14,5	10,8	9,6	9,1	8,9
Dầu thô	61,4	64,5	71,7	75,3	75,0	74,5

**Số liệu năm 2015 là con số ước tính của Bộ Công thương*
Nguồn: Tổng cục Thống kê (2015) và Bộ Công thương (2014 và 2015)

Liên Xô và Đông Âu, nhưng sau khi Liên Xô tan rã, thị trường xuất khẩu khoáng sản Việt Nam đã chuyển hướng sang các thị trường khác như: các nước ASEAN (Malaysia, Indonesia, Lào) các nước châu Á khác (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ), gần đây là thị trường châu Mỹ, Nam Phi, trong đó than đá là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu.

Trong số thị trường nhập khẩu khoáng sản của Việt Nam thì Trung Quốc là thị trường chính và đạt kim ngạch cao nhất. Tuy là thị trường đứng đầu về kim ngạch xuất khẩu quặng và khoáng sản, nhưng kim ngạch xuất khẩu chính ngạch trong thời gian gần đây đã giảm xuống đáng kể. Thị trường xuất khẩu chủ yếu đứng thứ 2 sau Trung Quốc nhập khẩu khoáng sản của Việt Nam là Ấn Độ với lượng nhập khẩu hàng năm giai đoạn 2010-2014 khoảng 20-30 triệu USD.

Hình thức xuất khẩu chủ yếu là FOB, nên chưa thực sự đem lại hiệu quả, hơn nữa chí phí vận chuyển cao làm cho giá than xuất khẩu của Việt Nam thường cao nên làm giảm lợi thế cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường khoáng sản thế giới.

3. Một số hạn chế và nguyên nhân

3.1. Hạn chế

Nhìn chung hệ thống chính sách pháp luật về xuất khẩu khoáng sản của nước ta khá đầy đủ và chặt chẽ, đã góp phần quan trọng trong các hoạt động xuất khẩu khoáng sản theo hướng phát triển bền vững. Tuy nhiên, công tác triển khai thực hiện chính sách còn nhiều bất cập, công tác quản lý nhà nước còn lỏng lẻo, nên tình hình xuất khẩu còn diễn biến biến khá phức tạp, việc xuất khẩu khoáng sản thô còn khá phổ biến.

Nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng kẻ hở trong công tác quản lý để xuất khẩu khoáng sản thô. Chẳng hạn, trong khoảng thời gian từ đầu năm 2012 đến nay, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới, Thủ tướng Chính phủ cho phép xuất khẩu một số loại khoáng sản tồn kho để kịp thời, thực sự tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, lợi dụng quy định được phép xuất khẩu khoáng sản đang tồn kho một số doanh nghiệp đã "lách luật" như việc khai báo khống số lượng quặng đang tồn kho để được tiếp tục xuất khẩu, nhưng thực chất là tiếp tục khai thác tại các mỏ đã được cấp phép trước đó hoặc mua gom, hợp thức hóa giấy tờ thành lô hàng tồn kho để xuất khẩu. Tình trạng xuất khẩu khoáng sản lậu diễn ra khá sôi động trên cả biên giới đường biển lẫn đường bộ.

Do hoàn cảnh cụ thể của nước ta như vị trí địa lý, năng lực quản lý, ý thức chấp hành của các doanh nghiệp… nên trong thực tế hiện tượng xuất khẩu trái phép vẫn còn diễn ra khá phổ biến. Đặc biệt là khai thác và xuất khẩu khoáng sản lậu sang Trung Quốc diễn ra khá phổ biến và ngày càng tinh vi.

Số lượng doanh nghiệp tham gia khai thác khoáng sản như titan tăng nhanh, đã sở hữu hàng

trăm giấy phép khai thác mà phần lớn là các giấy phép khai thác… tận thu. Song, do doanh nghiệp trong nước chưa thể đầu tư để chế biến sâu khoáng sản ngay tại trong nước và vẫn mới chỉ dừng lại ở khâu sàng, tuyển là chính, cho nên, khoáng sản vẫn chủ yếu là xuất khẩu thô. Bởi thế, Việt Nam đang rơi vào tình trạng xuất khẩu thô nhưng phải nhập khẩu hàng về để sử dụng trong nước.

Quản lý cấp phép hoạt động khoáng sản chưa chặt chẽ, hợp lý. Cơ chế xin – cho vẫn tồn tại ngay trong hoạt động quản lý hành chính về cấp phép hoạt động khai thác và xuất khẩu khoáng sản. Việc cấp phép thiếu đồng bộ giữa giấy phép khai thác chế biến gây nên sự mất cân đối trong sản xuất và chế biến. Có nhiều trường hợp cấp phép cho cả những nhà đầu tư trái nghề, không đủ năng lực chuyên môn và tài chính. Chính quyền địa phương một số nơi không thực hiện được đầy đủ chức năng quản lý để tình trạng khai thác trái phép xảy ra.

Một số tổ chức, cá nhân sau khi được cấp phép khai thác đã thuê hoặc liên kết với các đơn vị khác khai thác, thậm chí bán giấy phép cho doanh nghiệp Trung Quốc, tạo nên sự trốn tránh trách nhiệm gây thất thoát, lãng phí tài nguyên quốc gia, huỷ hoại cảnh quan và môi trường. Tình trạng khai thác xuất khẩu lậu diễn ra tràn lan đặc biệt là khai thác than thổ phỉ. Các cơ quan chức năng, đặc biệt là ở địa phương dường như vẫn chưa bao quát hết việc khai thác, xuất khẩu trái phép của các doanh nghiệp.

Tình trạng khai thác trái phép diễn ra khá phổ biến, ngoài việc kém hiệu quả, không bền vững còn là nguyên nhân tiếp tay cho xuất khẩu lậu. Nguồn than lậu chủ yếu là than khai thác thổ phỉ do dân khai thác trái phép sau đó vận chuyển nhỏ lẻ xuống các cảng của doanh nghiệp tư nhân; than do các đơn vị khai thác hợp pháp nhưng được các đối tượng ngoài xã hội thông đồng tuồn ra ngoài để xuất sang Trung Quốc. Thậm chí, than tiêu thụ nội địa phục vụ các nhà máy xi măng, điện, đạm trong nước cũng bị "bớt xén", sau đó tập kết lại xuất lậu sang Trung Quốc. Các khoáng sản khác như sắt, mangan, chì, thiếc, kẽm, quặng… cũng được chủ đầu nậu dùng hồ sơ vận chuyển, mua bán nội địa để chuyển bằng ô tô và tàu hỏa tập kết tại các đường mòn, khu vực biên giới sau đó tìm cách "đội nón" sang Trung Quốc.

3.2. Nguyên nhân hạn chế

3.2.1. Năng lực quản lý nhà nước trong việc triển khai thực thi chính sách còn yếu

Tình trạng xuất khẩu kém hiệu quả và thiếu tính bền vững ở nước ta thời gian qua do nhiều nguyên nhân gây ra. Tuy nhiên, nguyên nhân chủ yếu và trước hết là những yếu kém từ phía quản lý nhà nước.

Năng lực của các cơ quan quản lý chức năng còn yếu, lực lượng mỏng, phân tán, thiếu sự phối hợp chặt chẽ. Một số, cán bộ có trình độ hạn chế, phẩm chất đạo đức kém.

Lực lượng quản lý về khai thác và xuất khẩu khoáng sản còn tập trung ở các bộ ngành khác nhau như Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng… Nhưng cơ chế phối hợp chưa chặt chẽ, nhất là trong công tác kiểm tra giám sát việc thi hành chính sách.

Công tác triển khai các quy hoạch khoáng sản chậm và chưa đáp ứng yêu cầu thực tế, thiếu tính khả thi. Chưa có sự phối hợp đồng bộ hiệu quả giữa các cơ quan chức năng trong việc quản lý khai thác và xuất nhập khẩu. Năng lực của một số cán bộ còn yếu, còn lợi dụng các kẻ hở của chính sách để tham nhũng.

3.2.2. Sự hạn chế về ý thức và năng lực của các doanh nghiệp xuất khẩu khoáng sản

Các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh khoáng sản vì lợi ích kinh tế trước mắt chỉ chú trọng đầu tư cho khai thác để xuất khẩu thô thu hồi vốn nhanh, chưa quan tâm đầu tư chế biến, xem nhẹ trách nhiệm bảo vệ môi trường và quyền lợi người dân vùng mỏ. Việc tuân thủ pháp luật, tuân thủ quy định, tiêu chuẩn về kỹ thuật, bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp còn tuỳ tiện, chưa thực hiện đầy đủ những nội dung quy định trong dự án đầu tư và đánh giá tác động môi trường.

Một số tổ chức, cá nhân sau khi được cấp phép khai thác đã thuê hoặc liên kết với các đơn vị khác khai thác, tạo nên sự trốn tránh trách nhiệm gây thất thoát, lãng phí tài nguyên quốc gia, huỷ hoại cảnh quan và môi trường. Chưa chú trọng đúng mức đến việc cải tạo phục hồi môi trường, do vậy việc cải tạo và phục hồi môi trường thực hiện được không đáng kể, mới chỉ mang tính cải tạo lại mặt bằng, trồng cây lâm nghiệp nhưng tỷ lệ cây sống thấp và phát triển kém, chưa thực hiện đúng nghĩa phục hồi môi trường.

Trên thực tế, tài nguyên khoáng sản của Việt Nam đang bị khai thác bừa bãi, lãng phí và chủ yếu là xuất khẩu thô. Hiện Việt Nam vẫn chưa có chiến lược dự trữ tài nguyên khoáng sản cho nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Tình trạng khá phổ

biến hiện nay là ở đâu có khoáng sản, ở đó có khai thác, khai thác tối đa, khai thác bằng mọi giá và khai thác bất kỳ loại khoáng sản nào để xuất khẩu, không quan tâm đến hậu quả kinh tế, xã hội và môi trường…

Việc Trung Quốc tăng cường ưu tiên nhập khẩu các sản phẩm của ngành khai khoáng Titan của Việt Nam để dự trữ, trong khi trữ lượng Titan của Trung Quốc được đánh giá đứng đầu thế giới là vấn đề đáng để suy nghĩ. Công nghệ thiếu, tiềm lực tài chính yếu dẫn đến Việt Nam đành phải chấp nhận bán thô tài nguyên khoáng sản quí hiếm của mình.

3.2.3. Trình độ công nghệ khai thác lạc hậu, hiệu quả thấp

Nguyên nhân cơ bản nhất khoáng sản của nước ta hầu hết có trữ lượng nhỏ, manh mún, gây khó khăn cho việc khai thác dẫn đến hiệu quả kinh tế thấp.

Năng lực khai thác chế biến còn lạc hậu, đa số áp dụng hệ thống khai thác lộ thiên với công nghệ ô tô - máy xúc. Đây là loại hình công nghệ cổ điển, giá thành cao. Các thông số kỹ thuật của hệ thống khai thác và vận tải không đảm bảo, không có cơ sở khoa học về công nghệ.

Tuyển khoáng chủ yếu bằng những xưởng tuyển "mini" thủ công hoặc bán cơ giới. Hệ số thu hồi thấp, giá thành cao và chưa thu hồi được khoáng sản có ích đi kèm.

Về luyện kim và chế biến sâu, nhìn chung, công nghệ luyện kim và chế biến sâu chưa phát triển, thiết bị lạc hậu, chất lượng sản phẩm chưa cao. Phần lớn sản phẩm chỉ đạt tiêu chuẩn xuất khẩu ở mức trung bình.

4. Giải pháp phát triển xuất khẩu nước ta trong thời gian tới

4.1. Nâng cao năng lực của các tổ chức quản lý

Cần đổi mới tổ chức quản lý nhà nước và làm rõ ranh giới trách nhiệm/thẩm quyền của các bên liên quan. Tăng cường phối hợp giữa lực lượng quản lý thị trường (Bộ Công thương) với Ban Chỉ đạo 127, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các địa phương tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc vận chuyển khoáng sản trái phép trên thị trường, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, tiếp tay cho hoạt động xuất lậu khoáng sản qua biên giới. Tăng cường thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật về khoáng sản theo thẩm quyền; thanh tra trách nhiệm đối với các tổ chức hành chính và người đứng đầu trong quản lý nhà nước về khoáng sản; xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về khoáng sản.

Xúc tiến đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-CP của Chính phủ (2015) về việc đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu trong tình hình mới. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả xã hội và tạo được chuyển biến căn bản về đấu tranh chống buôn lậu. Tập trung vào các đường dây, ổ nhóm, các đối tượng chủ mưu, cầm đầu; đẩy mạnh kiểm tra, thanh tra để phát hiện, phòng ngừa vi phạm, đồng thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác đấu tranh chống buôn lậu.

Phân định rõ trách nhiệm theo địa bàn, lĩnh vực và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; xử lý kịp thời, nghiêm minh những cán bộ, công chức tiếp tay, dung túng hoặc có biểu hiện tiêu cực khác trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Khẩn trương rà soát, sửa đổi bổ sung hoặc xây dựng và ban hành chế độ, quy trình luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác cán bộ, công chức trong các lực lượng chức năng, nhất là tại các vị trí nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng.

Đẩy mạnh công tác phối hợp lực lượng, phân định cơ quan chịu trách nhiệm chính và cơ quan phối hợp trên từng địa bàn, tuyến trọng điểm; xây dựng cơ chế chia sẻ thông tin giữa các Bộ, ngành, địa phương và lực lượng chức năng để nắm chắc địa bàn, đối tượng, phương thức thủ đoạn buôn lậu.

4.2. Nâng cao hiệu quả của việc khai thác và xuất khẩu khoáng sản

Thực hiện định giá tài nguyên và tổ chức đấu thầu khai thác khoáng sản. Hạn chế tối đa (hoặc bỏ hẳn) việc phân cấp và cấp giấy phép khai thác khoáng sản tràn lan ở cấp tỉnh như thời gian vừa qua. Bổ sung các điều kiện, các cam kết về chế biến trước khi cấp giấy phép khai thác, khắc phục hiện tượng khai thác tràn lan, nhưng không thực hiện được mục đích chế biến sâu. Đối với tổ chức, cá nhân không thực hiện hoạt động khai thác nhưng có nhu cầu thực hiện hoạt động chế biến khoán sản thì phải xin giấy phép chế biến.

Xây dựng chiến lược, quy hoạch và chính sách phát triển từng loại khoáng sản đảm bảo tính đồng bộ từ khâu thăm dò, khai thác đến chế biến. Tăng cường đầu tư chế biến sâu, có chính sách buộc các ngành, các cơ sở sản xuất trong nước sử dụng nguyên liệu khoáng sản tiết kiệm và đạt hiệu quả cao nhất; đồng thời cần có qui định về chế biến quặng nhập khẩu. Xây dựng các trung tâm dự trữ khoáng sản nhằm dự trữ để chờ đầu tư chế biến sâu. Các trung tâm này nên đặt ở các địa phương có nguồn tài nguyên lớn về khoáng sản.

4.3. Tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ khai thác chế biến khoáng sản

Có chính sách khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị khai thác chế biến; khuyến khích hỗ trợ đối với khai thác tận thu ở khu vực khó khăn, phức tạp nhằm nâng cao hệ số thu hồi trong quá trình khai thác chế biến. Ban hành quy định cấm xuất khẩu thô và tinh quặng như hiện nay. Không dùng từ "hạn chế" như quy định hiện hành gây khó khăn cho việc thi hành tạo điều kiện tham nhũng.

Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ; tăng cường hợp tác quốc tế trong công tác khai thác và chống buôn lậu. Rà soát, chấn chỉnh, hoàn thiện chính sách thương mại biên giới, chỉ đạo lực lượng quản lý thị trường tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động thương mại; phối hợp với lực lượng chức năng triệt phá các tụ điểm tập kết, kinh doanh khoáng sản lậu. Xây dựng và áp dụng các chính sách cũng như thể chế tốt hơn về quản lý tài nguyên thiên nhiên cho các vùng dễ bị ảnh hưởng nhằm giảm thiểu cũng như loại bỏ những rủi ro mang lại.

Nghiên cứu xây dựng các trung tâm dự trữ khoáng sản và cấm triệt để xuất khẩu khoáng sản thô. Các trung tâm dự trữ khoáng sản này nên đặt ở các địa phương có nguồn tài nguyên lớn về khoáng sản để thuận lợi cho việc thu mua khoáng sản thô để dự trữ cho chế biến sâu và kêu gọi đầu tư để sớm tiếp nhận công nghệ và hình thành các nhà máy chế biến các sản phẩm sâu. Nâng cao hệ số thu hồi trong quá trình khai thác chế biến. Cần có những chính sách đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị khai thác chế biến, khuyến khích hỗ trợ đối với khai thác tận thu ở khu vực khó khăn, phức tạp.

Căn cứ vào tình hình khai thác, tiêu thụ trong nước để xác định mục tiêu xuất khẩu khoáng sản. Đối với mặt hàng than, cần tính toán nhu cầu tiêu thụ trong nước, việc khai thác phải nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu tiêu thụ than trong nước về chủng loại và khối lượng; cho phép xuất khẩu một phần hợp lý theo kế hoạch, chỉ xuất khẩu các chủng loại than trong nước chưa hoặc không có nhu cầu sử dụng.❐

Tài liệu tham khảo:

Bộ Công thương (2015), *Báo cáo tình hình sản xuất Công nghiệp và hoạt động Thương mại năm 2014 và kế hoạch năm 2015*, Hà Nội.

Bộ Công thương (2014), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2013, giai đoạn 2011-2013 và kế hoạch năm 2014, 2015 của ngành Công Thương*, Hà Nội.

Chính phủ (2015), Nghị quyết số 41/NQ-CP, *về việc đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu trong tình hình mới*, ban hành ngày 9 tháng 6 năm 2015.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam*, Hà Nội.

Thủ tướng chính phủ (2015), Chỉ thị số 03/CT-TTg, *về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản*, ban hành ngày 30 tháng 3 năm 2015.

Thủ tướng chính phủ (2012), Chỉ thị số 02/CT-TTg, *về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản*, ban hành ngày 9 tháng 1 năm 2012.

Thủ tướng chính phủ (2011a), Quyết định số 2427/QĐ-TTg, *về phê duyệt Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2011.

Thủ tướng chính phủ (2011b), Quyết định số 2471/QĐ-TTg, *về phê duyệt chiến lược xuất nhập khẩu hàng hoá thời kỳ 2011- 2020, định hướng đến 2030*; ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2011.

Tổng cục Thống kê (2015), *Niên giám thống kê*, Hà Nội.

Thông tin liên lạc:

****Phan Anh,** Thạc sỹ*

- Tổ chức tác giả công tác: Học viện ngân hàng

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Phát triển xuất khẩu bền vững

- Một số tạp chí tiêu biểu đã từng đăng nghiên cứu: Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, Kinh tế và chính trị thế giới, Tạp chí Kinh tế và Phát triển…

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: phananh6100@yahoo.com.